

Bản án số: **134/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 20-9-2025

V/v: "*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trần Thị Đông;

+ Ông Nguyễn Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 30/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé B, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp Hòa Th 1, xã H, huyện Đ, tỉnh L (nay là xã H, tỉnh T) . Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Khối phố 3, phường T, thành phố Đ. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/3/2025, nguyên đơn chị Lê Thị Bé B trình bày:*

Tôi và ông Huỳnh Văn Th kết hôn vào ngày 13/9/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh L. Hôn nhân của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay, tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Huỳnh Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung, tên là Huỳnh Lê Ngọc H, sinh ngày 09/6/2012. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được chăm sóc, nuôi dưỡng con

chung cho đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* *Tại Bản tự khai ngày 26 tháng 8 năm 2025, bị đơn anh Huỳnh Văn Th trình bày:*

Tôi và chị Lê Thị Bé B kết hôn vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống với nhau có xảy ra biến cố gia đình, vợ tôi đã bỏ đi. Nay vợ tôi có yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý.

- Về con chung: chúng tôi có 01 con chung tên là Huỳnh Lê Ngọc H, sinh ngày 09/6/2012. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao con cho chị Lê Thị Bé B chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Bé B khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, trách nhiệm nuôi con chung khi ly hôn với anh Huỳnh Văn Th. Anh Huỳnh Văn Th có địa chỉ cư trú tại Khối phố 3, phường T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Đà Nẵng.

Nguyên đơn chị Lê Thị Bé B và bị đơn anh Huỳnh Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Trong vụ án này, Tòa án không tiến hành việc xác minh, thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Bé B và anh Huỳnh Văn Th kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Hôn nhân của hai người là hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân của chị B, anh Th thì thấy: Theo trình bày của chị Lê Thị Bé B, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị B, anh Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải để các bên đoàn tụ. Anh Huỳnh Văn Th cũng thống nhất với lời khai và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị B. Điều này cho thấy, chị B, anh Th đều không có mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Mặt khác, hai người đã sống ly thân đến nay đã được 8 năm và không có liên lạc với nhau cũng đủ cho thấy mâu thuẫn giữa

hai người đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận mâu thuẫn giữa chị B, anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Các bên đều có nguyện vọng mong muốn ly hôn. Xét thấy, việc Th tình ly hôn giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó cần công nhận sự Th tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bé B và anh Huỳnh Văn Th.

[2.2] *Về con chung*: Chị Lê Thị Bé B và anh Huỳnh Văn Th có 01 con chung là Huỳnh Lê Ngọc H, sinh ngày 09/6/2012.

Nguyện vọng của chị B là được được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành, chị B không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị B và anh Th sống ly thân đến nay, cháu Hân sống với chị B; cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn, anh Th cũng thống nhất giao con chung cho chị Lê Thị Bé B chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa Th giữa các bên về việc giao cháu H cho chị Lê Thị Bé B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Lê Thị Bé B không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Lê Thị Bé B, anh Huỳnh Văn Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của chị B được chấp nhận nên chị Lê Thị Bé B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bé B về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*" đối với bị đơn anh Huỳnh Văn Th.

[1.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Bé B và anh Huỳnh Văn Th.

[1.2]. *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Lê Ngọc H, sinh ngày 09/6/2012 cho chị Lê Thị Bé B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị B không yêu cầu anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[2]. *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Lê Thị Bé B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị B đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000889, ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị Lê Thị Bé B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[3]. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 5 – Đà Nẵng;
- UBND xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bích Ân

